

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-PT

Ngày 10 - 5 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Bà Hoàng Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLPT-DS ngày 11/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2024/QĐ-PT ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980, địa chỉ: Tổ dân phố C, Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2024), (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1978, (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Như A, sinh năm 1962, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Th, xã T2, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Trần Thị Đ có chơi với nhau nên ngày 28/5/2022 bà có cho bà Trần Thị Đ vay số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất 2%/năm và hạn đến ngày 15/8/2022 bà Đ phải trả đủ tiền gốc và lãi cho bà. Do bà H không biết viết nên khi cho bà Đ vay tiền có sự chứng kiến của ông Nguyễn Như A là người viết hộ trong nội dung giấy vay tiền. Đến ngày 15/8/2022 là ngày trả tiền theo giấy vay tiền bà Đ không trả tiền cho bà. Bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Đ đều khất nợ, nay bà Đ cho rằng là bà Đ không nợ bà nên bà Đ không trả tiền cho bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Đ phải trả cho bà số tiền vay theo giấy vay nợ ngày 28/5/2022 là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Khoảng 8 giờ ngày 28/5/2022, bà đang bán hàng ăn sáng thì có hai anh em nhà bà Nguyễn Thị H điện thoại gọi bà xuống nhà anh X ký tên hộ vào đơn xác minh ông J làm thuê cho nhà bà để bà H về quê ông J đòi tiền. Bà xác nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 25/8/2022 là đúng chữ ký của bà. Tuy nhiên bà không vay số tiền này. Bà không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H 150.000.000đ như giấy vay nợ.

Người làm chứng ông Nguyễn Như A trình bày: Ông có mua xe ô tô để chạy xe taxi gia đình nên thỉnh thoảng bà Nguyễn Thị H có việc đi đâu nhờ ông chở đi. Ngày 28/5/2022, ông có chở bà H đến quán nhà bà Trần Thị Đ nhưng không vào quán mà vào sân nhà ông X, lúc đấy chỉ có ông, bà H và bà Đ. Vì bà H và bà Đ có quen biết nhau nên bà H có cho bà Đ vay tiền. Bà H không biết viết nên bà H và bà Đ nhờ ông viết hộ giấy vay nợ và chứng kiến việc cho vay, chứng kiến việc bà H đưa tiền cho bà Đ số tiền vay là 150.000.000đ. Sau khi bà Đ nhận đủ tiền ông đã đọc lại nội dung giấy vay tiền và bà Đ trực tiếp ký vào giấy vay tiền, ông ký người viết giấy và làm chứng. Ông cam đoan nội dung trong giấy vay tiền là đúng nếu sai ông xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị Đ chưa thanh toán được số tiền nêu trên cho bà

H thì hàng tháng bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Đ làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Như A vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của ông A không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị Đ đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay theo Giấy vay tiền ngày 28/5/2022, nội dung giấy vay tiền thể hiện: Bà Nguyễn Thị H cho bà Trần Thị Đ vay số tiền 150.000.000đ, ngày hẹn trả là 15/8/2022, lãi suất vay là 2%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà Đ đều thừa nhận chữ ký của các bà

tại Giấy vay tiền nêu trên. Đồng thời, người làm chứng là ông Nguyễn Như A cũng khẳng định ông là người chứng kiến và trực tiếp viết hộ bà H giấy vay tiền do bà H không biết viết, sau khi chứng kiến bà H đưa số tiền 150.000.000đ cho bà Đ vay, ông đã đọc lại cho các bên nghe và ông ký tên với tư cách là người làm chứng. Do đó, đây là hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bên cho vay là bà H, bên vay là bà Đ, có người làm chứng là ông A và các bên có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, cả nội dung và hình thức đều phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng dân sự quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực bắt buộc thực hiện giữa các bên tham gia. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo Giấy vay tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ thừa nhận bà ký tại Giấy vay tiền nhưng không thừa nhận về việc bà vay tiền, cho rằng bà chỉ ký cho bà H để bà H đi đòi tiền ông J là người làm thuê cho bà nhưng bà Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của bà nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 150.000.000đ là có căn cứ.

Mặc dù, Giấy vay tiền do các bên xác lập thể hiện mức lãi suất vay là 2%/năm, tuy nhiên do bà H tự nguyện không yêu cầu bà Đ phải trả tiền lãi nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/4/2024, bà Đ có trình bày và cung cấp cho Tòa án file ghi âm, bà Đ cho rằng đây là cuộc nói chuyện giữa bà và ông X - là người mà bà Đ cho biết đã chứng kiến toàn bộ quá trình bà Đ và bà H nói chuyện với nhau, đồng thời giấy vay tiền được viết cũng tại sân nhà của ông X. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để báo gọi ông X đến làm việc về nội dung mà bà Đ trình bày nhưng ông X không đến Tòa án làm việc. Đồng thời, tại phiên tòa ngày 03/5/2024 và ngày 10/5/2024, Tòa án tiếp tục triệu tập ông X đến phiên tòa nhưng ông X đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, đây là người làm chứng của phía bị đơn là bà Đ cung cấp, tại phiên tòa bà Đ cũng có trình bày bà đã trực tiếp báo ông X tới Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng ông X không tới. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/5/2024, bà Đ khẳng định các đoạn ghi âm do bà cung cấp cho Tòa án là do bà ghi bằng điện thoại ở các thời điểm khác nhau và trong file ghi âm bà cung cấp cho Tòa án, không có đoạn nào là bà ghi âm và liên quan tại thời điểm các bên ký giấy vay tiền ngày 28/5/2022. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông J - người mà bà Đ cho rằng là người thực tế vay tiền của bà H cho biết: Giữa ông và bà H đã từng có mối quan hệ cho vay

tiền. Tuy nhiên, tháng 3 năm 2021 (trước thời điểm ký Giấy vay tiền giữa bà H với bà Đ) ông đã trả toàn bộ số tiền đã vay cho bà H, từ đó đến nay ông không còn khoản nợ nào với bà H nữa. Vì vậy, lời trình bày của bà Đ tại phiên tòa là không có căn cứ.

[3] Từ phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000.000đ là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuy nhiên, về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng theo Hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019, việc tuyên chưa đúng trên của Tòa án cấp sơ thẩm chưa gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, do đó cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Đ không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Trần Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 5 năm 2022.

Kể từ ngày 25/01/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn*

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001571 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001616 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà